

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày 06/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thúy.

Bà Phạm Hồng Thiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2018/HSST ngày 31 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định xét xử số 14/2018/QĐXXST-HS ngày 22/02/2018 đối với:

Bị cáo **Đào Thị Thanh H**, sinh ngày 02/9/1982. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã TX, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Trọng Q và bà Vũ Thị L; có chồng là Nguyễn Quang A và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không; bị bắt tạm giam từ ngày 11/9/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Những người bị hại:

Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1977, trú tại thôn BX, xã TX; chị Vũ Thị H1, sinh năm 1983, trú tại thôn TCN, xã TT, đều thuộc huyện T2, tỉnh Thái Bình. (có mặt).

- Người làm chứng:

Anh Nguyễn Quang A, sinh năm 1982 trú tại thôn V, xã TX, huyện T2, tỉnh Thái Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 01/9/2016 chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1977, trú tại thôn BX, xã TX, huyện T2, tỉnh Thái Bình đến ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện T2 làm thủ tục vay lại 700.000.000 đồng thì gặp Đào Thị Thanh H. Do quen biết nhau từ trước nên H hỏi

vay chị Y 110.000.000 đồng, chị Yến yêu cầu H phải có tài sản gì thế chấp thì mới cho H vay tiền. Do có ý định chiếm đoạt tiền của chị Y, nên H đã hứa hẹn với chị Y đến chiều sẽ mang 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình để đưa cho chị Y nên chị Y tin tưởng đã đồng ý đưa cho H vay 110.000.000 đồng ngay tại Ngân hàng. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày H một mình đến nhà chị Y đưa cho chị Y một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có cả nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BU 751686 giả mang tên Đào Thị Thanh H và chồng là anh Nguyễn Quang A ở thôn V, xã TX, huyện T2 có diện tích 80,2m², đồng thời H hỏi chị Y vay thêm chị Y 90.000.000 đồng. Thấy H đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên chị Y tin tưởng cho H vay thêm 90.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền H đã chiếm đoạt của chị Y là 200.000.000 đồng.

Do có quan hệ họ hàng với chị Vũ Thị H1, sinh năm 1983, trú tại thôn TCN, xã TT, huyện T2 nên đầu tháng 9/2016 H đã nhiều lần gọi điện cho chị H1 để hỏi vay tiền. Chị H1 yêu cầu H phải có tài sản thế chấp mới cho H vay tiền. Do có ý định chiếm đoạt tiền của chị H1 nên H đã nói với chị H1 nếu cho H vay tiền, H sẽ thế chấp cho chị H1 một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình, khi thấy H nói vậy chị H1 đã đồng ý cho H vay tiền. Khoảng 12 giờ ngày 03/9/2016 H đến nhà chị H1 rồi cùng chị H1 đi sang nhà anh Đào Trọng D là hàng xóm của gia đình chị H1, tại nhà anh D, H đã đưa cho chị H1 một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 895265 giả mang tên Đào Thị Thanh H và chồng là anh Nguyễn Quang A ở thôn BA, xã TX, huyện T2 có diện tích 100m², vì vậy chị Hà đã đưa cho Hoa vay 150.000.000 đồng.

Sau khi vay được tiền của chị Nguyễn Thị Hải Y và chị Vũ Thị H1, H đã dùng để trả nợ và sử dụng mục đích cá nhân hết. Đã nhiều lần chị Y và chị H1 đến nhà H để đòi nợ nhưng H cố tình không trả mà còn bỏ trốn khỏi địa phương.

Trong quá trình điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại bản kết luận giám định số 45/KL-GĐ ngày 27/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu in 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 895265 (Ký hiệu A1); số BU 751686 (Ký hiệu A2) là giả; Hình dấu tròn có nội dung “Ủy ban nhân dân huyện T2, T. Thái Bình” trên 02 (hai) tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với hình dấu tròn trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 không phải do cùng một con dấu đóng ra; Chữ ký mang tên Chủ tịch Nguyễn Quang H2 trên 02 (hai) tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký của Chủ tịch Nguyễn Quang H2 trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 không phải do cùng một người ký ra.

Tại Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 30/01/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố Đào Thị Thanh H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đào Thị Thanh H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

- Áp dụng khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đào Thị Thanh H từ 07 đến 08

năm tù. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T2, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T2, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đào Thị Thanh H đều khai nhận, trong tháng 9/2016 Đào Thị Thanh H đã có hành vi dùng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để lừa đảo chiếm đoạt 350.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 01/9/2016 Đào Thị Thanh H, đã có hành vi gian dối dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 751686 giả mang tên Nguyễn Quang A và Đào Thị Thanh H có diện tích 80,2m² tại thôn V, xã TX, huyện T2 để lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Hải Yến, sinh năm 1977, trú tại thôn BX, xã TX, huyện T2, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 03/9/2016 Hoa đã có hành vi gian dối dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 895265 giả mang tên Nguyễn Quang A và Đào Thị Thanh H có diện tích 100m² tại thôn BA, xã TX, huyện T2 để lừa đảo chiếm đoạt của chị Vũ Thị H1, sinh năm 1983, trú tại thôn TCN, xã TT, huyện T2, tỉnh Thái Bình số tiền là 150.000.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo H phù hợp và được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai của những người bị hại là các chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1977, trú tại thôn BX, xã TX; Vũ Thị H1, sinh năm 1983, trú tại thôn TCN, xã TT, đều thuộc huyện T2, tỉnh Thái Bình (Bút lục số 42a - 43a; 176 - 189). Các biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện T2 lập (Bút lục số 27- 28). Các giấy biên nhận nợ ngày 03/9/2016; 24/9/2016 (Bút lục số 44- 46). Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất (Bút lục số 36- 39). Bản kết luận giám định số 45/KLGD-PC54 ngày 27/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục số 42- 43). Lời khai của những người liên quan là anh Nguyễn Quang A, sinh năm 1982; ông Vũ Năng V, sinh năm 1964; bà Vũ Thị T; ông Lê Bá H2, sinh năm 1955; bà Hà Thị Q, sinh năm 1959; bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969 đều ở xã TX và chị Lê Thị L, ở thôn HĐ1,

xã TL, đều thuộc huyện T2, tỉnh Thái Bình (Bút lục số 278- 297) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, trong tháng 9/2016, bị cáo Đào Thị Thanh H đã có hành vi dùng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để lừa đảo chiếm đoạt 350.000.000 đồng của các chị Nguyễn Thị Hải Y và Vũ Thị H1. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 139. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể quan trọng được luật hình sự bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý không tốt trong nhân dân khi tham gia các giao dịch dân sự nhất là đối với những người thân, quen. Bị cáo đã trưởng thành về mọi mặt, có trình độ học vấn, mặc dù đã nhận thức được việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật song bị cáo vẫn thực hiện. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi bị cáo thực hiện tội phạm để trừng trị, cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần thiệt hại đã gây ra; người bị hại là chị Vũ Thị H1 xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bố đẻ bị cáo là thương binh, được tặng thưởng Huân chương chiến công Hạng 3, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự nào. Về hình phạt bổ sung, xét thấy bị cáo là người lao động tự do, không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Trong quá trình điều tra Đào Thị Thanh H còn khai nhận tháng 9/2016 H đã dùng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để thế chấp vay của bà Nguyễn Thị N, ở thôn BX, xã TX, huyện T2, tỉnh Thái Bình số tiền 180.000.000 đồng. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì bà N và gia đình hiện đang định cư tại nước Úc, không còn ai là người thân tại địa phương. Cơ quan điều tra đã tách ra tiếp tục xác minh khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Việc Đào Thị Thanh H có dùng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để làm tin chiếm đoạt tài sản của các chị Nguyễn Thị Hải Y, Vũ Thị H1, H không bàn bạc với chồng là anh Nguyễn Quang A, sinh năm 1982, ở thôn V, xã TX, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Bản thân anh Quang A cũng không biết việc H vay tiền của chị H1, chị Y nên cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Nguyễn Quang A là phù hợp.

Về nguồn gốc 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả, H khai vào khoảng tháng 6 năm 2016 H lên mạng Internet tìm hiểu cách làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì gặp một người nam giới, H không biết tên, tuổi, địa chỉ ở thành phố HN đặt làm 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả, rồi H chụp ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thật mang tên vợ chồng H gửi qua mạng xã hội Zalo cho người này, khoảng một tuần sau người này gửi về cho H bằng xe khách, H trả công cho người này 1.500.000 đồng bằng cách H mua 03 thẻ điện thoại Viettel loại mệnh giá 500.000 đồng/1 thẻ, chụp mã thẻ gửi qua Zalo cho người này. Do thời gian đã lâu nên H không còn nhớ số điện thoại cũng như nickname Zalo của người này. Vì vậy cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh để xử lý đối với người nam giới này theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra Hoa khai nhận từ tháng 5/2015 đến tháng 9/2016 H còn vay 2.640.500.000 đồng và 2.000 USD của nhiều người như: vay của chị Phạm Thị D, sinh năm 1983, ở thôn TCN 200.000.000 đồng; của ông Phạm Văn T, sinh năm 1964, ở thôn TCN 550.000.000 đồng; của chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1974, ở thôn TCN 195.500.000 đồng; của anh Lê Xuân B, sinh năm 1986, ở thôn T1, đều thuộc xã TT, huyện T2 150.000.000 đồng; của chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1970, ở thôn XB 165.000.000 đồng; của chị Lê Thị N1, sinh năm 1960, ở thôn XB số tiền 60.000.000 đồng; của bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1959, ở thôn BX 200.000.000 đồng và 2.000 USD; của chị Đoàn Thị T4, sinh năm 1970, ở thôn XB 230.000.000 đồng; của bà Bùi Thị N3, sinh năm 1957, ở thôn VXĐ 70.000.000 đồng; của chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1978, ở thôn BX, 400.000.000 đồng; của ông Bùi Đình Q1, sinh năm 1958 và vợ là bà Bùi Thị N4, sinh năm 1960 đều ở thôn VXĐ, xã TX, huyện T2, tỉnh Thái Bình 420.000.000 đồng. Đối với các trường hợp này khi vay mượn giữa H và những người này đều tự nguyện thỏa thuận với nhau, không hẹn ngày tháng trả tiền cụ thể mà chỉ hẹn khi nào cần sẽ báo trước cho H, H sẽ thu xếp trả, còn về lãi suất, H và những người này không thỏa thuận trong giấy vay nợ mà thỏa thuận miệng. Quá trình điều tra H thừa nhận các khoản nợ trên là do làm ăn thua lỗ chưa có khả năng thanh toán,

H hứa với họ là sẽ đi làm để trả nợ dần xác định hành vi trên của H chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm mà chỉ là tranh chấp dân sự nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra Đào Thị Thanh H đã tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hải Y số tiền là 52.800.000 đồng; bồi thường cho chị Vũ Thị H1 số tiền 50.000.000 đồng. Đến nay chị Y yêu cầu H phải bồi thường cho chị số tiền 147.000.000 đồng, chị H1 yêu cầu H phải bồi thường cho chị số tiền là 100.000.000 đồng. Cần chấp nhận yêu cầu của chị Y và chị H1, buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Y số tiền 147.000.000 đồng, chị H1 100.000.000 đồng, tổng cộng là 247 triệu đồng.

[6] Về vật chứng của vụ án: 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 895265 (Ký hiệu A1); số BU 751686 (Ký hiệu A2) là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, cần tiêu hủy.

[7] Bị cáo Hoa phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đào Thị Thanh H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Xử phạt: Áp dụng khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đào Thị Thanh H 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 11/9/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đào Thị Thanh H phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hải Y số tiền 147.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Đào Thị Thanh H phải bồi thường cho chị Vũ Thị H1 số tiền 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự 1999; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tịch thu tiêu hủy 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 895265 (Ký hiệu A1); số BU 751686 (Ký hiệu A2) là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả bị cáo đã sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các chị Nguyễn Thị Hải Y và Vũ Thị H1.

5. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Đào Thị Thanh H phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 12.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Đào Thị Thanh H; những người bị hại là các chị Nguyễn Thị Hải Y và Vũ Thị H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 06/3/2018.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Công an huyện Thái Thụy;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền